| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 148/2019/DS-ST
Ngày 11 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trương Minh Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Châu Hải Dương

Ông Nguyễn Ngọc Trường

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 344/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 404/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Bình N, sinh năm 1972; cư trú tại: K1, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Phạm Văn H; cư trú tại: Ấp TH, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Thái Hồng C; cư trú tại: Ấp TH, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Anh Nguyễn Bình N trình bày:* Vào ngày 03/7/2018, anh có cho ông H, bà C vay số tiền 630.000.000đ, có làm biên nhận, lãi suất 1%/tháng, thỏa thuận trả 03 đợt trong vòng 18 tháng, cụ thể:

Đợt 1: Từ ngày 03/7/2018 đến ngày 03/10/2018 trả tiền vốn 150.000.000đ và tiền lãi.

Đợt 2: Từ ngày 04/10/2018 đến ngày 04/4/2019 trả tiền vốn 240.000.000đ và tiền lãi.

Đợt 3: Từ ngày 05/4/2019 đến ngày 05/01/2020 trả tiền vốn 240.000.000đ và tiền lãi.

Từ khi vay đến nay, ông H, bà C không thực hiện việc trả tiền như thỏa thuận. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà C trả cho anh số tiền vốn 630.000.000đ, lãi 81.900.000đ (13 tháng), tổng cộng 711.900.000đ.

Tại phiên tòa: Anh N yêu cầu ông H, bà C trả số tiền của đợt 1 và 2 là 390.000.000đ, lãi suất từ ngày 03/7/2018 đến ngày xét xử, lãi suất theo thỏa thuận là 01%/tháng. Đối với số tiền đợt 3 do chưa đến thời hạn nên anh không yêu cầu, trường hợp đến thời hạn mà ông H, bà C không trả thì anh khởi kiện bằng vụ án khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Bình N khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn H, bà Thái Hồng C trả tiền vay là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông H, bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H, bà C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 03/7/2018, bà C có vay của anh N số tiền 630.000.000đ, khi vay có làm biên nhận, có thỏa thuận lãi suất 01%/tháng là thực tế có xãy ra. Đồng thời, khi vay tiền thì anh N với bà C thỏa thuận việc trả tiền vốn, lãi trong 03 đợt. Tuy nhiên, tính đến thời điểm này bà C không thực hiện việc trả tiền theo thỏa thuận của đợt 1 và đợt 2. Như vậy, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi như thỏa thuận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh N đối với số tiền 390.000.000đ của đợt 1 và đợt 2 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của anh N đối với số tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu tính lãi suất của anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Số tiền lãi được tính cụ thể như sau: (390.000.000đ x 1%/tháng) x 16 tháng 08 ngày (từ ngày 03/7/2018 đến ngày 11/11/2019) = 63.440.000đ.

Như vậy, tổng số tiền vốn, lãi anh N yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận là: 390.000.000đ + 63.440.000đ = 453.440.000đ.

[5] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù việc vay tiền và làm biên nhận chỉ có bà C thực hiện. Tuy nhiên, từ khoản thời gian vay tiền cho đến nay thì bà C với ông H vẫn đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Khoản nợ này

được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà C, ông H nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng.

Đối với ông H, mặc dù ông biết được nội dung và yêu cầu khởi kiện của anh N, nhưng ông không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Như vậy, ông H đã đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh N. Do đó, bà C và ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả khoản tiền nêu trên cho anh N là phù hợp.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của anh N về khoản tiền vốn, lãi đợt 3, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, anh N xin rút lại yêu cầu khởi kiện này. Xét thấy: Việc rút yêu cầu khởi kiện nêu trên của anh N là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của anh N về số tiền vốn, lãi của đợt 3 là phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Xét về án phí dân sự: Ông H, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: 20.000.000đ + (53.440.000đ x 4%) = 22.137.000đ.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bình N.

1. Buộc ông Phạm Văn H và bà Thái Hồng C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Bình N số tiền 453.440.000 đồng (bốn trăm năm mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

2. Kể từ ngày anh Nguyễn Bình N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn H và bà Thái Hồng C chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông H, bà C còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bình N về việc yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Thái Hồng C trả số tiền vốn 240.000.000 đồng, lãi của đợt 3.

4. Về án phí dân sự:

4.1. Anh Nguyễn Bình N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho anh N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.119.000 đồng (tám triệu một trăm mười chín ngàn đồng) theo biên lai số 0009748 ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4.2. Ông Phạm Văn H và bà Thái Hồng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 22.137.000 đồng (hai mươi hai triệu một trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trương Minh Thịnh**